| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **195**/2019/DS-PT
Ngày: 11 - 11 - 2019
*"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Huyền

*Các Thẩm phán:* 1. Ông Trần Duy Phương

2. Bà Lưu Thị Thu Hường.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Khắc Anh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 164/2019/DSPT ngày 20 tháng 8 năm 2019, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DSST ngày 12/7/2019 của Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 225/2019/QĐ-PT ngày 07/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 178/2019/QĐ-PT ngày 24/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương K, sinh năm 1988; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1983 và ông Phan Bá M, sinh năm 1984; Bà L có mặt, ông M vắng mặt.

Cùng trú: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

- Người làm chứng: Bà Võ Thị Thảo N, sinh năm 1997. Có mặt

Địa chỉ: Thôn C, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Từ tháng 7/2016 đến 26/01/2017 chị Nguyễn Thị Phương K cho chị Phạm Thị L vay tiền cụ thể:

Lần 1: Tháng 10/2016 cho vay 60.000.000 đồng, chỉ giao dịch bằng miệng không

viết giấy, chị L hứa khi nào anh M (chồng chị L) đi rừng về sẽ trả.

Lần 2: Tháng 12/2016 cho vay 37.000.000 đồng, khi vay tiền, các bên không viết giấy, chỉ giao dịch miệng và chị L hứa khi nào chồng đi rừng về sẽ trả.

Lần 3: Ngày 26/01/2017, vay 50.000.000 đồng, do chưa trả nợ của hai lần trước nên chị K yêu cầu chị L viết "Giấy mượn tiền" và có chữ ký của chị L, cam kết 11/2 âm lịch sẽ trả.

Sau khi khởi kiện, vợ chồng chị L không hợp tác, không trả nợ, và không thừa nhận về việc nợ 147.000.000đồng nên chị K đã nhờ chị Võ Thị Thảo N đến nhà nói chuyện với chị L và ghi âm lại vào lúc 10 giờ 31 phút ngày 08/5/2019 tại nhà chị Phạm Thị L, trong cuộc nói chuyện thì chị L thừa nhận việc chị K khởi kiện là đúng và chị L nợ của chị K 147.000.000 đồng là đúng.

Các lần ký vay tiền đều là chị L ký nhưng có viết tên chồng là Phan Bá M nên đề nghị Tòa án buộc chị L và anh M phải liên đới trả nợ 147.000.000 đồng tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

***Tại bản tự khai, bị đơn bà Phạm Thị L trình bày:*** Chị Phạm Thị L và anh Phan Bá M không vay tiền của chị K nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Tại bản tự khai, người làm chứng chị Võ Thị Thảo N Trình bày:*** Chị N là em con cô của chị K, biết chị K nhiều lần cho chị L vay tiền đến nay nợ gốc là 147.000.000 đồng nhưng chị L không trả, không thừa nhận nợ, nên đã nói chuyện để ghi âm chị L về số tiền 147.000.000 đồng vào lúc 10 giờ 31 phút ngày 08/5/2019 tại nhà của chị L. Trong cuộc nói chuyện, chị L thừa nhận việc chị K khởi kiện và chị L có nợ chị K số tiền 147.000.000 đồng là đúng.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DSST ngày 12/7/2019 của Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Áp dụng Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương K.

Buộc bà Phạm Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Phương K số tiền 163.425.000 đồng, trong đó tiền gốc 147.000.000đ và lãi suất 16.425.000đ.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc anh Phan Bá M liên đới với chị Phạm Thị L có nghĩa vụ trả nợ cho chị Nguyễn Thị Phương K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/7/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Hleo, tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKN-VKS, kháng nghị một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn trình bày nhất trí với kháng nghị của Viện kiểm sát. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý

kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Phạm Thị L phải trả nợ số tiền 147.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất 16.425.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Phương K là chưa đúng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm, buộc bà L phải trả cho bà K số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K đối với số tiền 97.000.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Viện kiểm sát kháng nghị bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn ông Phan Bá M được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông M.

[2] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bà L, ông M phải trả cho bà K tổng 147.000.000đ nợ gốc và lãi suất theo quy định. Thấy rằng: Ngày 26/01/2017, bà L viết giấy vay của bà K vay 50.000.000 đồng, hẹn trả ngày 11/2 âm lịch. Tại cấp sơ thẩm bà L không thừa nhận có việc vay tiền nhưng tại Kết luận giám định số 32/PC ngày 24/4/2019 của phòng kỷ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ ký, viết tên Phạm Thị L trong giấy mượn tiền đề ngày 26/01/2017 so với chữ ký của là L trong tài liệu so sánh là do cũng một người viết ra. Do đó, có căn cứ xác định bà L có vay 50.000.000 đồng của bà K là phù hợp với giấy vay tiền đề ngày 26/01/2017, phù hợp với kết luận giám định. Ngoài ra, tại cấp phúc thẩm bà L thừa nhận có vay 50.000.000 đồng những đã trả hết cho bà K. Tuy nhiên, bà L không có tài liệu chứng cứ chứng minh, không được bà K thừa nhận nên không được chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn thấy rằng: Bản án sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong quá trình thi hành án là chưa phù hợp. Bởi lẽ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Nguyên đơn cho rằng khi vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất miệng là không có căn cứ. Bỡi lẻ, giấy vay tiền 26/01/2017 không thể hiện có lãi suất và không được bị đơn thừa nhận nên. Do đó, có căn cứ xác định hợp đồng vay không lãi suất theo quy định tại khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Cụ

thể: 50.000.000đ x 0,83%/tháng x 28 tháng 3 ngày (tính từ 09/3/2017 đến 12/7/2019)= **11.661.000đ.**

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tổng số tiền còn lại: 97.000.000 đồng.

[2.2.1]. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại bản tự khai (Bl 18), bà K khai: "*Tháng 10/2016, bà L mượn tôi 60.000.000 đồng; tháng 12/2016 bà L mượn tiếp 37.000.000 đồng, do tin tưởng nên tôi không yêu cầu viết giấy nợ, tuy nhiên đến hẹn trả nợ bà L không thực hiện nên ngày 26/01/2017, vợ chồng bà L hỏi mượn thêm 50.000.000đ, khi này tôi không còn tin tưởng nên đã yêu cầu viết giấy nợ và yêu cầu vợ chồng bà L ký nhận. Bên cạnh đó tôi yêu cầu vợ chồng bà L ký nhận số nợ 97.000.000đ qua hai lần mượn chưa ghi giấy nợ trên. Nhưng vợ chồng bà L không ký với lý do, một hai hôm nữa sẻ trả hoàn toàn số nợ lại cho tôi"*. Xét thấy, lời khai của nguyên đơn cho rằng vợ chồng bà L có vay 97.000.000 đồng là không có tài liệu chứng cứ chứng minh, không được bị đơn thừa nhận. Hơn nữa, các lần vay tháng 10 và tháng 12/2016, nguyên đơn cho rằng tin tưởng không yêu cầu bị đơn viết giấy nhưng đến hẹn (ông Minh đi rừng về) bị đơn không trả như cam kết và nguyên đơn không còn tin tưởng nên ngày 26/01/2017, khi bị đơn đặt vấn đề lại hỏi vay thêm 50.000.000 đồng nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn phải ký giấy xác nhận nợ của các lần vay trước nhưng bị đơn không ký xác nhận mà lại tiếp tục hứa hẹn vài hôm sẻ trả. Theo lẽ thường, khi bị đơn hỏi vay lần thứa ba (tức ngày 26/01/2017, vay 50.000.000 đồng), trong khi các lần vay trước (tháng 10 và tháng 12/2016, tổng 97.000.000 đồng) không viết giấy xác nhận, không trả nợ đúng cam kết và đang trong tình thế có nhu cầu, có mong muốn được tiếp tục vay thêm thì bị đơn phải ký xác nhận các lần vay trước để được tiếp tục vay thêm, nguyên đơn có đủ lợi thế, điều kiện để yêu cầu bị đơn phải xác nhận hai lần vay trước mới tiếp tục cho vay thêm. Do đó, lời khai của nguyên đơn cho rằng đã yêu cầu bị đơn ký xác nhận giấy nhưng bị đơn không ký đồng nghĩa với việc bị đơn không vay của nguyên đơn số tiền 97.000.000 đồng. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền này.

[2.2.2]. Xét tài liệu, chứng cứ, File ghi âm; Bản dịch thuật nội dung ghi âm do nguyên đơn cung cấp. Thấy rằng: Bà K thừa nhận giọng nói trong file ghi âm chính là giọng nói của bà, nội dung bản dịch thuật do nguyên đơn cung cấp có nội dung phù hợp với file ghi âm. Trong đoạn ghi âm, có nội dung bà L nói: "*Chứ còn số tiền 147 triệu chị nợ nó là đúng á, kiện mà, nó đang kiện chị nợ nó 147 triệu*". Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bà L cho rằng nội dung cuộc nói chuyện trên là bà chỉ xác nhận bà K kiện bà 147.000.000 đồng là đúng chứ không phải bà L thừa nhận có nợ bà K 147.000.000 đồng. Như vậy, có cơ sở xác định việc bà L nói "*Chứ còn số tiền 147 triệu chị nợ nó là đúng á, kiện mà, nó đang kiện chị nợ nó 147 triệu*" không đồng nghĩa với việc bà L có nợ bà K 147.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm xác định bà L có vay của bà K 97.000.000 đồng với tài liệu, chứng cứ là file ghi âm mà chưa là đánh giá tính L quan, lô-gic giữa các tài liệu chứng cứ với nhau, chưa đánh giá điều kiện, hoàn cảnh như đã nhận định và phân tích tại [2.2.1].

Từ nhận định và phân tích tại [2.2.1]; [2.2.2] có căn cứ xác định bà L, ông M

không vay 97.000.000 đồng của bà K. Do đó, có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Hleo, tỉnh Đắk Lắk. Cần sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2] *Về án phí:*

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên cần tính lại án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

+ Bà Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị Phương K là 61.661.000đ x 5% = 3.083.000đ

+ Bà Nguyễn Thị Phương K phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là: 97.000.000đ x 5% = 4.850.000đ. Khấu trừ số tiền 1.710.000đ tạm ứng án phí đã nộp. Bà K còn phải nộp 3.140.000đ.

- Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKN-VKS ngày 19/7/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Hleo, tỉnh Đắk Lắk, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DSST ngày 12/7/2019 của Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

***Tuyên xử*:**

**[1]** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương K.

Buộc bà Phạm Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Phương K số tiền 61.661.000 *(Sáu mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi mốt ngàn)* đồng, trong đó tiền gốc 50.000.000 đồng và nợ lãi 11.661.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông ông Phan Bá M liên đới với bà Phạm Thị L trả nợ cho nguyên đơn số tiền 97.000.000 *(Chín mươi bảy triệu)* đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Phan Bá

M liên đới với bà Phạm Thị L trả nợ cho nguyên đơn.

**[2].** Về án phí:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị L phải chịu 3.083.000 *(Ba triệu không trăm tám mươi ba ngàn)* đồng.

- Bà Nguyễn Thị Phương K phải chịu: 4.850.000 đồng. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 1.710.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0009103 ngày 14/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Bà K còn phải nộp: 3.140.000 *(Ba triệu một trăm bốn mươi ngàn)* đồng.

[2.2] Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

**[3]** Về chi phí tố tụng:

Bà Phạm Thị L phải chịu số tiền 4.320.000 (Bốn triệu ba trăm hai mươi ngàn) đồng tiền chi phí giám định.

Hoàn trả cho bị Nguyễn Thị Phương K số tiền 4.320.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp sau khi thu được của bà Phạm Thị L.

**[4]** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thanh Huyền**